

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT
“Tình hình, tiến độ, kết quả triển khai thực hiện
Dự án *Phát triển nông nghiệp Hà Tĩnh giai đoạn 2011-2013*”

Thực hiện Quyết định số 05/QĐ-HĐND ngày 06/01/2014 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thành lập Đoàn giám sát “Tình hình, tiến độ, kết quả triển khai thực hiện Dự án *Phát triển nông nghiệp Hà Tĩnh giai đoạn 2011-2013*”, Đoàn giám sát đã xây dựng nội dung yêu cầu Ban quản lý dự án (QLDA), các sở ngành liên quan báo cáo. Sau khi nghiên cứu các báo cáo, Đoàn trực tiếp làm việc tại các xã, đơn vị triển khai Dự án¹. Tại các cuộc làm việc, Đoàn nghe báo cáo, nghiên cứu hồ sơ tài liệu liên quan² và trực tiếp giám sát một số công trình hạ tầng quy mô nhỏ, mô hình sản xuất nông nghiệp, mô hình cơ giới hóa; hoạt động tập huấn, đào tạo nghề. Kiểm tra việc thực hiện tham vấn lựa chọn các hoạt động; vấn đề lồng ghép Giới và Môi trường vào hoạt động của Dự án; Phỏng vấn trực tiếp các đối tượng hưởng lợi từ Dự án;... Căn cứ các nội dung làm việc, Đoàn giám sát báo cáo kết quả cụ thể như sau:

I. KHÁI QUÁT VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Dự án *Phát triển nông nghiệp Hà Tĩnh* được phê duyệt tại Quyết định số 3276/QĐ-UBND ngày 12/11/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh (UBND tỉnh). Trên cơ sở Hiệp định chung về Hợp tác Phát triển giữa Việt Nam và Canada ký ngày 21/6/1994. Chính phủ Canada đã chỉ định *Tổ chức hợp tác phát triển quốc tế Canada - CIDA* (nay là *Cục Ngoại giao, Thương mại và Phát triển Canada - DFATD*) ký Thỏa thuận đóng góp (ngày 18/3/2011) với tỉnh Hà Tĩnh để thực hiện Dự án.

Mục tiêu chung của Dự án là “ Mở rộng các cơ hội phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn, nhất là nông thôn nghèo tại tỉnh Hà Tĩnh (có yếu tố bình đẳng giới)”. Các kết quả dự án hướng tới là: Tăng năng suất và khả năng cạnh tranh của một số lĩnh vực nông nghiệp được lựa chọn; Cải thiện kết cấu hạ tầng quy mô nhỏ tạo điều kiện cho phát triển nông nghiệp; Cải thiện năng lực của một số cơ quan ban ngành cấp tỉnh, huyện, xã trong công tác xây dựng quy hoạch, lập kế hoạch quản lý, triển khai và giám sát các chương trình của Chính phủ về hỗ trợ cho phát triển nông nghiệp nông thôn bền vững.

¹ Các tiểu ban QLDA tại: xã Thạch Thanh, xã Kỳ Tây, xã Kỳ Thượng, xã Đức Thủy, xã Bùi Xá, Trung tâm Khuyến nông, Đoàn Điều tra Quy hoạch Nông - Lâm nghiệp.

² Tập trung vào các nội dung: Tổng quan Dự án; Công tác lập kế hoạch; Tiến độ thực hiện Kế hoạch; Công tác tổ chức, phối hợp thực hiện với các cơ quan, đoàn thể liên quan; Trách nhiệm của các bên liên quan; Quản lý nhà nước đối với Dự án; Quá trình và kết quả đầu thầu; Quản lý xây dựng, nghiệm thu, bàn giao công trình; Chế độ báo cáo tình hình tiếp nhận sử dụng nguồn vốn; Vốn đối ứng từ ngân sách các cấp; Tình hình giải ngân nguồn vốn; Công tác thanh quyết toán; Kết quả kiểm toán; Công tác giám sát thực hiện Dự án; Cơ chế theo dõi và đánh giá hoạt động của dự án; Đánh giá, phân tích sơ bộ về hiệu quả kinh tế - xã hội, tác động môi trường, các rủi ro và tính bền vững của dự án theo từng chương trình, mô hình, công trình; Kế hoạch thực hiện các nội dung của Dự án năm 2014; Những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

Nguồn vốn thực hiện dự án là vốn ODA (không hoàn lại) do Chính phủ Canada tài trợ với tổng vốn đầu tư là 11,4 triệu đô la Canada, tương đương 220.225 triệu VNĐ trong đó: Vốn từ CIDA là 10 triệu CAD, tương đương 193.180 triệu VNĐ; Vốn đối ứng của tỉnh là 1,4 triệu CAD, tương đương 27.045 triệu VNĐ (đóng góp tiền mặt 0,35 triệu CAD và hiện vật 1,05 triệu CAD). Dự án được thực hiện trong 5 năm (2011-2016) tại 4 đơn vị thuộc Sở NN&PTNT và 13 xã thuộc 3 huyện: Kỳ Anh, Thạch Hà, Đức Thọ. Riêng năm 2011 thực hiện khắc phục bão lụt tại 12 xã/12 huyện, thị xã.

Về tổ chức quản lý dự án: Bộ Tài chính chịu trách nhiệm tiếp nhận và chuyển nguồn kinh phí cho dự án thông qua Kho bạc nhà nước tỉnh. Hướng dẫn tỉnh Hà Tĩnh trong việc tiếp nhận, quản lý và báo cáo về việc sử dụng nguồn vốn ODA; cung cấp cho CIDA các báo cáo xác nhận viện trợ theo qui định tại Nghị định 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có vai trò giám sát bao quát trong quá trình thực hiện dự án. Nhà tài trợ CIDA tham gia vào việc giám sát liên tục đối với tiến độ, các cơ hội chiến lược, và những rủi ro, bao gồm cả các lĩnh vực bình đẳng giới và bảo vệ môi trường của dự án.

Dự án do UBND tỉnh làm cơ quan chủ quản và giao Sở NN&PTNT làm chủ dự án. UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo dự án giúp UBND tỉnh và nhà tài trợ chỉ đạo thực hiện dự án theo đúng nội dung đã được phê duyệt. Các sở, ngành kinh tế tổng hợp (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Kho bạc nhà nước) trên cơ sở chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước của ngành, tham mưu UBND tỉnh trong công tác lập kế hoạch, phân bổ nguồn vốn, kiểm soát chi và giải ngân, thanh quyết toán các nguồn vốn thực hiện dự án. Ủy ban nhân dân cấp huyện và xã chịu trách nhiệm huy động đóng góp nguồn vốn trong xây dựng các công trình xây dựng cơ bản, tiếp nhận quản lý, sử dụng, bảo dưỡng các công trình, các kết quả khác của dự án (nếu có) trên địa bàn xã.

Về hình thức quản lý dự án: Chủ dự án thành lập Ban QLDA và các tiểu ban QLDA tại các xã và các đơn vị thuộc ngành để giúp chủ dự án quản lý thực hiện dự án. Ban QLDA là đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp tỉnh, trực tiếp tiếp nhận, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán nguồn kinh phí từ ngân sách tỉnh và nhà tài trợ; trực tiếp quản lý các hoạt động của dự án. Riêng đối với vốn đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ tại các xã được thực hiện thông qua các Tiểu ban QLDA cấp xã. Các Tiểu ban QLDA xã có nhiệm vụ quản lý đầu tư xây dựng và báo cáo thanh toán, quyết toán trực tiếp cho Ban QLDA tỉnh.

II. NHỮNG NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Trên cơ sở Hiệp định chung về hợp tác chung giữa Việt Nam và Canada, Văn kiện dự án, Biên bản ghi nhớ, các văn bản của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở ngành liên quan đã kịp thời chỉ đạo, hướng dẫn và ban hành các quy định về cơ chế chính sách của địa phương phù hợp để triển khai thực hiện. (*Xem Phụ lục 01*).

Giai đoạn 2011-2013, kế hoạch nguồn vốn bố trí là 108.365.030.248 VNĐ, trong đó: CIDA tài trợ 104.865.030.248 VNĐ, vốn đối ứng ngân sách tỉnh bằng tiền 3.500.000.000 VNĐ. Nguồn vốn đã giải ngân đến 31/12/2013 là 83.620.569.209 VNĐ, trong đó: CIDA tài trợ 81.194.712.409 VNĐ, vốn đối ứng bằng tiền của tỉnh 2.425.856.800 VNĐ (*Xem Phụ lục 02*).

Dự án gồm có 3 hợp phần: Hỗ trợ Phát triển nông nghiệp nông thôn, Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng quy mô nhỏ, Mua sắm trang thiết bị kỹ thuật và nâng cao năng lực cho quản lý công trong việc triển khai chương trình hỗ trợ phát triển nông nghiệp.

Hợp phần 1- Hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn:

Mục tiêu của hợp phần là nâng cao năng lực, nhận thức của người sản xuất và các đối tượng liên quan đến phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn, gắn tập huấn đào tạo với mô hình sản xuất, tăng cường công tác bình đẳng giới trong sản xuất nông nghiệp và đào tạo nghề nâng cao năng lực sản xuất. Các nội dung chủ yếu của hợp phần này đã thực hiện bao gồm: Tập huấn, Đào tạo nghề ngắn hạn, thực hiện các mô hình sản xuất. Các kết quả chủ yếu của hợp phần đã đạt được như sau:

- Dự án đã xây dựng 14 mô hình sản xuất nông nghiệp, bao gồm các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, cơ giới hóa, với gần 1.400 hộ tham gia và hưởng lợi. Thông qua các mô hình sản xuất nông nghiệp cùng với việc tập huấn, đào tạo 3 nghề cơ bản (Trồng lúa, nuôi và phòng trị bệnh cho trâu bò, cho lợn), hướng dẫn các quy trình sản xuất, người nông dân đã được nâng cao nhận thức, tiếp nhận các tiến bộ Khoa học - Kỹ thuật, các quy trình sản xuất canh tác tiên tiến nhằm khai thác tiềm năng đất đai, làm tăng năng suất chất lượng, tăng giá trị trên một đơn vị diện tích, trên một đầu con vật nuôi. Đồng thời, người nông dân đã biết cách liên kết, tổ chức sản xuất, hiểu rõ lợi ích khi tham sản xuất theo hình thức Tổ hợp tác, HTX, kết nối với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm. Ngoài ra, trong quá trình triển khai thực hiện các mô hình người nông dân cũng được nâng cao nhận thức về vấn đề giới và môi trường trong sản xuất nông nghiệp.

- Về lĩnh vực giống cây trồng, vật nuôi: Nâng cấp, xây dựng, cải tạo 2 trạm truyền giống tại Đức Long - Đức Thọ và Thiên Lộc-Can Lộc. Thông qua việc hỗ trợ đầu tư, năng lực sản xuất của 2 trạm truyền giống đã được tăng lên, tạo điều kiện cho bà con nông dân trong việc phát triển sản xuất chăn nuôi và nâng cao thu nhập. Cùng với giống vật nuôi, Dự án đã tiến hành sản xuất thử nghiệm 2 giống lúa chất lượng cao OM4218 và Trân Châu Hương, giống Lạc L19.

- Về lĩnh vực khuyến nông: Đã tổ chức trên 60 lớp tập huấn, đào tạo, với hơn 2.000 lượt nông dân tham gia, nhằm chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nông nghiệp, nâng cao nhận thức và kỹ năng cho người nông dân trong sản xuất; đây là cơ hội cho nông dân tiếp cận các kiến thức, quy trình sản xuất, cách thức tổ chức sản xuất tốt, hiệu quả áp dụng vào thực tế và sản xuất của mình.

- Về các hình thức tổ chức sản xuất: Dự án đã hỗ trợ thành lập 10 Tổ hợp tác tại một số xã vùng dự án³, hỗ trợ nâng cao kiến thức cho trên 500 lượt cán bộ là thành viên của HTX, chủ các trang trại tại các huyện Kỳ Anh, Thạch Hà, Can Lộc, Lộc Hà... Thông qua hoạt động này nhằm nâng cao nhận thức của người dân trong việc sản xuất cần phải có sự liên kết, hỗ trợ, chia sẻ để tạo tính hiệu quả và bền vững.

Nhìn chung, các nội dung kết quả hoạt động của hợp phần đã bám sát kế hoạch, mục tiêu, quy trình thủ tục và định mức kinh phí theo văn kiện của dự án.

(Chi tiết xem Phụ lục 03).

³ Các xã: Kỳ Tây- Kỳ Anh, Thạch Sơn-Thạch Hà, Bùi Xá, Đức Thủy-Đức Thọ,

Hợp phần 2- Xây dựng cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ hỗ trợ Phát triển nông nghiệp

Mục tiêu của hợp phần là đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ cho xã gắn với nâng cao năng lực quản lý đầu tư XDCB thông qua tập huấn cho đối tượng quản lý; đồng thời xây dựng cơ chế quản lý, duy tu, bảo dưỡng công trình sau khi hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

Dự án đã tiến hành tổ chức 8 lớp tập huấn với 200 lượt người tại 13 xã, nhằm nâng cao năng lực làm chủ đầu tư cho các tiểu ban quản lý Dự án cấp xã thông qua cung cấp các kiến thức, kỹ năng về mua sắm đấu thầu, quản lý xây dựng công trình, giám sát công trình, duy tu bảo dưỡng công trình. Tiến hành đầu tư xây dựng 38 công trình giao thông, thủy lợi tại 13 xã của 3 huyện Đức Thọ, Thạch Hà, Kỳ Anh với tổng chiều dài các công trình Kênh mương Thủy lợi là 11 Km và 14 Km đường giao thông phục vụ sản xuất, đã có trên 7.200 hộ dân, với gần 30.000 người dân được hưởng lợi. Đến nay đã có 52/52 công trình hoàn thành (bao gồm cả 12 công trình cơ sở hạ tầng của 12 xã bị ảnh hưởng nặng của lũ lụt năm 2010 và 2 công trình do Sở NNPTNT trực tiếp làm chủ đầu tư), đưa vào khai thác sử dụng với giá trị khối lượng nghiệm thu A-B là 69.691.567.612 đồng. Số tiền đã thanh toán cho nhà thầu 50.960.334.813 đồng (Nguồn CIDA: 49.008.826.035 đồng, nguồn đối ứng từ ngân sách xã và đóng góp của nhân dân: 1.951.508.778 đồng). Tổng số tiền còn nợ nhà thầu của 38 công trình hoàn thành chưa quyết toán là 18.731.232.799 đồng (Nguồn CIDA: 13.784.348.373 đồng, nguồn đối ứng 4.946.884.426 đồng). Có 14/52 công trình đã được phê duyệt quyết toán với tổng giá trị 14.704.047.813 đồng, số tiền nợ nhà thầu của 14 công trình đã quyết toán là 293.804.520 đồng (Nguồn CIDA: 0 đồng, nguồn đối ứng 293.804.520 đồng).

Hiện tại, Ban QLDA tỉnh đã hoàn thành việc xây dựng kế hoạch duy tu bảo dưỡng cho 12 công trình hoàn thành đầu năm 2013, 26 công trình còn lại đang được xây dựng kế hoạch duy tu bảo dưỡng. (*Xem Phụ lục 06*).

Cùng với công tác đào tạo nâng cao năng lực quản lý và trực tiếp tổ chức quản lý, thi công đầu tư xây dựng công trình, công tác thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế-kỹ thuật, tổng mức đầu tư của các công trình xây dựng hạ tầng quy mô nhỏ, công tác mời thầu, tổ chức đấu thầu được thực hiện theo các quy định hiện hành của Trung ương và tỉnh. Trong giai đoạn xây dựng công trình, tất cả các xã đều thành lập Ban giám sát cộng đồng và đã phát huy vai trò trong việc giám sát tiến độ, chất lượng công trình cũng như việc bảo vệ môi trường do nhà thầu và chủ đầu tư cam kết. Có thể thấy, kết quả thực hiện hợp phần đã đáp ứng được yêu cầu về quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Thông qua hợp phần này Dự án đã giải quyết hai vấn đề: vừa nâng cao năng lực làm chủ đầu tư cho cấp xã, vừa đầu tư xây dựng các công trình hỗ trợ phát triển nông nghiệp.

Hợp phần 3-Nâng cao năng lực quản lý công trong việc triển khai chương trình Phát triển nông nghiệp

Mục tiêu của hợp phần này là nâng cao năng lực quản lý công cho cán bộ quản lý thông qua đào tạo, tập huấn và hỗ trợ trang thiết bị kỹ thuật phục vụ hoạt động quản lý của cơ quan trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, Ban QLDA và Tiểu ban QLDA tại các xã vùng dự án.

Dự án đã tổ chức 20 lớp đào tạo, tập huấn với gần 600 lượt các cán bộ từ cấp tỉnh, huyện, xã tham gia; tổ chức 4 chuyên tham quan học tập kinh nghiệm các tỉnh trong nước, 01 cuộc tham quan học tập kinh nghiệm nước ngoài. Thông qua việc

đào tạo tập huấn, tham quan học tập kinh nghiệm nhận thức của các cán bộ về việc tổ chức, quản lý, triển khai, thực hiện trong lĩnh vực nông nghiệp đã được nâng lên một bước. Cùng với việc đào tạo tập huấn, Dự án cũng đã hỗ trợ nhằm đổi mới phương pháp lập kế hoạch của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thông qua hoạt động này cán bộ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đơn vị thuộc Sở, các Phòng nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện đã được tiếp cận phương pháp lập Kế hoạch của Ngành nông nghiệp hiệu quả hơn, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp.

Về công tác giám sát đánh giá, thanh tra, kiểm tra

Thực hiện việc giám sát theo quy định tại Sổ tay hướng dẫn hoạt động dự án, Ban QLDA đã chủ động kiểm tra, giám sát tại các xã, các Tiểu ban QLDA đối với các công trình đầu tư tại xã. Đã rà soát các hoạt động trong kế hoạch 5 năm và mục tiêu của dự án, tham mưu Sở NN&PTNT trình UBND tỉnh và Nhà tài trợ điều chỉnh kế hoạch tổng thể dự án nhằm đạt được mục tiêu, nâng cao hiệu quả của dự án. Xây dựng các khung, tiêu chuẩn đánh giá và các mẫu điều tra khảo sát đánh giá kết quả thực hiện các hợp phần, nội dung công việc của dự án.

Ngoài sự theo dõi, giám sát nội bộ, Ban QLDA, nhà tài trợ và các sở, ngành cấp tỉnh đã tổ chức nhiều đoàn thanh tra, kiểm tra, cụ thể là: Đoàn giám sát MeeKong Economic mỗi năm tiến hành 2 cuộc giám sát thường niên; Công ty Kiểm toán độc lập do Canada thuê thực hiện kiểm toán năm 2011- Kế hoạch khởi động; Kiểm toán Nhà nước Việt Nam kiểm toán năm 2011 và kiểm toán năm 2012- Kế hoạch hoạt động năm thứ nhất; Thanh tra Sở Kế hoạch - Đầu tư và Sở Nông nghiệp- Phát triển nông thôn đang tiến hành thanh tra từ ngày 12/12/2013 để kiểm tra hồ sơ về công tác quản lý đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng.

Tóm lại, sau 3 năm triển khai thực hiện, dự án đã đạt được những kết quả khá toàn diện trên các mặt về tổ chức quản lý, chỉ đạo điều hành; Nội dung, kế hoạch, tiến độ thực hiện các hợp phần của dự án cơ bản đáp ứng được mục đích yêu cầu theo văn kiện của dự án. Đây là một trong những dự án về hỗ trợ phát triển nông nghiệp nông thôn đang được triển khai trên địa bàn tỉnh, tuy nguồn kinh phí không lớn nhưng nhờ xác định đối tượng, nội dung, mục tiêu đầu tư phù hợp, phương pháp tiếp cận, tổ chức quản lý triển khai thực hiện có những điểm mới nên dự án đã bước đầu phát huy hiệu quả tích cực. Kết quả thực hiện của dự án đã góp phần khắc phục hậu quả lũ lụt, nâng cao năng lực cho cán bộ và người dân vùng dự án, củng cố và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho phát triển nông nghiệp nông thôn, đóng góp tích cực vào việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Công tác tổ chức bộ máy chỉ đạo điều hành quản lý và hệ thống văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện dự án đã cơ bản hoàn thiện, thống nhất, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện.

Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn 2011-2013 theo kế hoạch là 108.365.000.000 đồng, nguồn kinh phí đã thực hiện đến 31/12/2013 là 83.620.569.209 đồng, trong đó: CIDA tài trợ 81.194.712.409 đồng, vốn đối ứng bằng tiền của tỉnh 2.425.856.800 đồng. Dự án đã xây dựng 26 công trình thủy lợi với tổng chiều dài kênh mương gần 15 km, 24 công trình giao thông nông thôn, nội đồng với tổng chiều dài gần 17 km. Trang bị và mua sắm nhiều trang thiết bị hỗ trợ hoạt động quản lý của các cơ quan, đơn vị thuộc ngành nông nghiệp phát triển nông thôn, các xã vùng dự án và nâng cao năng lực quản lý của Ban QLDA các cấp. Đã xây dựng và thực hiện thành công

một số mô hình sản xuất gắn với đào tạo 3 nghề hiện có, nâng cao trình độ sản xuất cho lao động ở các địa phương.

II. HẠN CHẾ, TỒN TẠI

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình thực hiện dự án vẫn còn bộc lộ một số hạn chế cần tiếp tục quan tâm chấn chỉnh, khắc phục. Đó là:

1. Công tác tổ chức quản lý, chỉ đạo điều hành, hệ thống văn bản pháp lý, các thiết chế quản lý, hệ thống chỉ tiêu giám sát đánh giá của dự án chậm hoàn thiện. Tổ chức Ban chỉ đạo dự án thiếu một số thành phần theo quy định tại Sổ tay hướng dẫn hoạt động. Vai trò và chức năng giám sát, quản lý nhà nước một số lĩnh vực đối với hoạt động Dự án còn hạn chế. Sự phối hợp, quản lý nhà nước về phát triển nông nghiệp của cấp huyện với các hoạt động của Dự án thực hiện tại địa bàn xã hiệu quả chưa cao.

Năng lực của một bộ phận cán bộ Ban QLDA và các Tiểu ban QLDA còn hạn chế, thiếu tính chuyên nghiệp mặc dù đã được tập huấn, đào tạo.

Công tác tổng hợp báo cáo và lưu trữ hồ sơ tài liệu của một số Tiểu ban quản lý Dự án chưa đảm bảo.

2. Tiến độ thực hiện dự án đến nay cơ bản đảm bảo theo kế hoạch được phê duyệt. Tuy vậy, giai đoạn đầu của dự án (năm 2011 và năm 2012) tiến độ thực hiện còn chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ chung của cả dự án.

3. Do cơ chế báo cáo và thiếu thông tin của dự án nên Hội đồng nhân dân các cấp chưa thực hiện chức năng giám sát về tiến độ và chất lượng dự án. Ban QLDA là đơn vị dự toán thuộc tỉnh, kinh phí của dự án thuộc nhiệm vụ chi ngân sách cấp tỉnh do Ban QLDA trực tiếp thực hiện; nguồn kinh phí đầu tư các công trình hạ tầng quy mô nhỏ tại các xã được chuyển qua KBNN, các Tiểu ban QLDA cấp xã thực hiện và thành lập đơn vị kế toán trực thuộc Ban QLDA tỉnh, không thuộc kế toán đơn vị xã; vì vậy, vai trò giám sát của HĐND, UBND và các cơ quan quản lý ngân sách liên quan ở cấp huyện, xã chưa được phát huy.

4. Về triển khai thực hiện các hợp phần của dự án

4.1. Kinh phí bình quân cho một khóa tập huấn tương đối cao⁴, các giảng viên chủ yếu đến từ ngoại tỉnh, chưa tận dụng và phát huy được giảng viên nội tỉnh để giảm chi phí nhằm tăng hiệu quả dự án.

Công tác đào tạo nghề cơ bản đã tuân thủ Hướng dẫn số 1801/HDLN-STC-SLĐTBXH ngày 18/10/2010 của liên ngành Tài chính và Lao động-Thương binh & Xã hội, tuy vậy đơn xin học nghề và danh sách học viên không phản ánh số chứng minh nhân dân theo quy định; Hồ sơ về đào tạo nghề chỉ được lưu trữ tại đơn vị đối tác thực hiện (Trường Trung cấp nông nghiệp), cấp xã và huyện chưa lưu trữ hồ sơ danh sách học viên đầy đủ để quản lý, theo dõi công tác đào tạo nghề tại địa phương.

Mô hình hỗ trợ máy cày đa năng chưa làm rõ quy mô diện tích, trách nhiệm liên kết hỗ trợ thúc đẩy cộng đồng tham gia từng bước đáp ứng cơ giới hóa có sự liên kết và hình thành dịch vụ cơ giới hóa nông nghiệp.

Hoạt động tập huấn, đào tạo nghề, xây dựng mô hình kinh tế đều do các đơn vị cấp tỉnh trực tiếp thực hiện thông qua hợp đồng với các đơn vị, cá nhân; do đó chưa tạo được sự thống nhất trong quản lý tại đơn vị xã và vai trò quản lý nhà nước cũng như chức năng giám sát của HĐND cấp xã, huyện, nhất là đối với cơ chế quản

⁴ Chi phí bình quân cho một khóa tập huấn đối với đối tượng người dân là 900.336 đồng/người/khóa, đối với đối tượng cán bộ quản lý các cấp là 2.800.500 đồng/người/khóa, có khóa tập huấn cán bộ quản lý là 6.053.632 đồng/người/khóa.

lý huy động nguồn lực đóng góp của nhân dân trong đầu tư xây dựng công trình và các mô hình sản xuất. Công tác khuyến nông do Trung tâm khuyến nông tỉnh thực hiện, sự phối hợp với các phòng chuyên môn cấp huyện còn hạn chế.

4.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ

Một số hạng mục công trình trong quá trình thi công vẫn còn thiếu sót về hồ sơ quản lý chất lượng⁵. Hầu hết các công trình sau khi hoàn thành đã được nghiệm thu, bàn giao kịp thời, nhưng chậm thanh toán vốn đầu tư (Đến nay đã có 52 công trình hoàn thành bàn giao với giá trị khối lượng nghiệm thu A-B là 69.691.567.612 đồng, số tiền đã thanh toán cho nhà thầu 50.960.334.813 đồng; số tiền còn nợ nhà thầu của 38 công trình hoàn thành chưa quyết toán là 18.731.232.799 đồng, bằng 27% giá trị khối lượng nghiệm thu, số tiền nợ của 14 công trình đã quyết toán là 293.804.520 đồng (Nguồn CIDA: 0 đồng, nguồn đối ứng 293.804.520 đồng). Công tác thẩm định phê chuẩn quyết toán vốn đầu tư chưa kịp thời (Đến nay mới có 14/52 công trình được thẩm định phê chuẩn quyết toán).

Công tác giám sát cộng đồng theo Quy chế ban hành tại Quyết định số 80/2005/QĐ-TTg còn một số hạn chế như: Giám sát cộng đồng chưa được tham gia vào giai đoạn thiết kế công trình; Hầu hết các xã chưa áp dụng chế độ trả thù lao cho Ban giám sát cộng đồng mặc dù nội dung này đã được tập huấn.

5. Việc chấp hành chế độ chính sách tài chính kế toán và quản lý các khoản đóng góp của người dân

Ban QLDA tỉnh là đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp tỉnh, thay chủ dự án tiếp nhận kinh phí của nhà tài trợ và vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh để thực hiện dự án. Nguồn kinh phí của dự án chủ yếu là nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư, mua sắm trang thiết bị kỹ thuật nâng cao năng lực quản lý. Nguồn vốn đầu tư XDCB chiếm tỷ trọng không lớn (2,9 triệu CAD, chiếm 29% tổng vốn đầu tư dự án theo thỏa thuận đóng góp là 10 triệu CAD). Vì vậy, việc lựa chọn áp dụng chế độ kế toán chủ đầu tư cho toàn bộ hoạt động quản lý tài chính ngân sách của dự án theo Quyết định số 214/2000/QĐ-BTC ngày 28/12/2000 của Bộ Tài chính là chưa phù hợp và gây khó khăn cho việc lập, chấp hành báo cáo kế toán và quyết toán ngân sách của dự án.

Tiểu ban QLDA xã - là đơn vị chủ đầu tư, do Phó chủ tịch UBND và kế toán ngân sách xã kiêm nhiệm, được trang bị phần mềm kế toán và Sở Tài chính đã có văn bản số 792/STC-NS ngày 02/5/2013 hướng dẫn việc thực hiện quyết toán kinh phí dự án, nhưng tại các xã, kế toán của Tiểu ban QLDA chưa phản ánh hoạt động của dự án vào hoạt động tài chính khác của đơn vị xã theo chế độ kế toán tài chính ngân sách xã. Các công trình hoàn thành bàn giao cho xã không phản ánh được vào sổ sách kế toán theo quy định của chế độ kế toán ngân sách xã (ban hành theo Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của Bộ Tài chính) vì đã quyết toán vào chi ngân sách tỉnh của dự án.

⁵ - Tại xã Thạch Thanh (Thạch Hà): Trong Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, bản vẽ hoàn công, báo cáo KTKT chưa có chữ ký hoặc chưa đóng dấu và không ghi rõ ngày tháng.

- Tại xã Kỳ Tây (Kỳ Anh): Thiếu hợp đồng tư vấn thẩm tra thiết kế BVTC và dự toán xây dựng công trình, ghi chép nhật ký thi công chưa đúng, thiếu chữ ký của kỹ thuật viên trong Bản vẽ hoàn công;

- Tại xã Kỳ Thượng (Kỳ Anh): Ghi chép Nhật ký thi công và Biên bản nghiệm thu thiếu chính xác.

- Tại xã Bùi Xá (Đức Thọ): Thiếu nhiều biên bản cần thiết như: Biên bản nghiệm thu chuyển giai đoạn, bản vẽ hoàn công, biên bản bàn giao đưa công trình vào sử dụng... Nhật ký thi công TVGS ký trước và ký thừa.

- Tại xã Đức Thủy (Đức Thọ): Thiếu biên bản nghiệm thu chuyển giai đoạn, bản vẽ hoàn công, biên bản bàn giao đưa công trình vào sử dụng. Nhật ký thi công ghi chép không khớp với các biên bản nghiệm thu...

Quy định tỷ lệ đóng góp 12% của ngân sách xã và người hưởng lợi vào xây dựng các công trình quy mô nhỏ tại địa bàn xã thực hiện dự án dựa trên Thỏa thuận góp vốn, tuy vậy theo báo cáo của Ban QLDA tỉnh thì tại 13 xã thuộc vùng dự án việc huy động đóng góp của người dân để xây dựng các công trình gặp nhiều khó khăn. Tổng số nguồn vốn cần huy động đóng góp của nhân dân cho các công trình quy mô nhỏ là 6.941.901.004 đồng, theo báo cáo đã huy động đóng góp và thanh toán cho nhà thầu 1.951.508.778 đồng, nhưng không được phản ánh vào sổ sách kế toán của tiểu ban QLDA, ban QLDA và kế toán ngân sách xã.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Trên cơ sở các nội dung, kết quả giám sát nói trên, Đoàn giám sát kiến nghị với các bên liên quan một số vấn đề sau:

1. Đối với Tổ chức hợp tác phát triển quốc tế Canada (CIDA)

Đây là dự án có ý nghĩa rất quan trọng đối với tỉnh Hà Tĩnh và kết quả thực hiện trong thời gian qua đã góp phần thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế-xã hội nói chung, phát triển nông nghiệp nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Vì vậy, đề nghị tổ chức hợp tác phát triển quốc tế Canada tiếp tục tăng cường, đảm bảo nguồn vốn tài trợ đã cam kết để tỉnh sớm hoàn thành dự án giai đoạn 2011-2016 và tiếp tục được xem xét đưa vào danh mục tài trợ trong các giai đoạn tiếp theo.

2. Đối với UBND tỉnh

(1) Tăng cường trách nhiệm của Ban chỉ đạo dự án với các thành viên đúng thành phần quy định tại Văn kiện Sở tay hướng dẫn hoạt động để đảm bảo tính thống nhất, nhất là sự tham gia giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp.

(2) Có cơ chế lồng ghép giữa các nguồn lực để nâng cao hiệu quả sử dụng, tránh trùng lặp giữa các chương trình, dự án đang triển khai (ODA, NGO, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, hỗ trợ đầu tư có mục tiêu từ ngân sách cấp trên...) trên địa bàn xã. Tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho người dân được vay nguồn vốn ưu đãi để mở rộng phát triển sản xuất, chăn nuôi theo mô hình của dự án sau khi đã được tổng hợp đánh giá phù hợp và hiệu quả.

(3) Chỉ đạo chủ dự án và các đơn vị liên quan kịp thời khắc phục các hạn chế, bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện dự án nói trên và các nội dung theo kiến nghị của cơ quan giám sát.

(4) Giao Sở NNPTNT chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư trên cơ sở nội dung tại Quyết định số 4496/QĐ-SNN ngày 07/12/2012 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định về quy định, hướng dẫn thực hiện các mô hình sản xuất nông nghiệp thuộc dự án Phát triển nông nghiệp Hà Tĩnh. Đồng thời ban hành quy định về mức đóng góp của nhân dân trong việc thực hiện các mô hình kinh tế và xây dựng công trình quy mô nhỏ. Giao chủ tịch UBND xã huy động đóng góp của nhân dân và bố trí nguồn lực từ ngân sách xã để xây dựng các công trình quy mô nhỏ theo văn kiện dự án.

3. Kiến nghị đối với Chủ dự án và Ban QLDA phát triển nông nghiệp tỉnh

(1) Nghiên cứu, tham mưu UBND tỉnh, Tổ chức hợp tác phát triển quốc tế Canada điều chỉnh các Sở tay quản lý của dự án và kế hoạch, dự toán kinh phí hàng năm phù hợp với quy định chung của Việt Nam. Chú trọng nâng cao chất lượng công tác đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ, nhất là các tiểu ban QLDA về nghiệp vụ quản lý dự án, giám sát đầu tư, quy trình đấu thầu, tài chính kế toán

nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của chương trình. Nên xem xét ưu tiên giảng viên, báo cáo viên các lớp tập huấn là các chuyên gia công tác tại các sở ban ngành trong tỉnh có đủ kiến thức, năng lực chuyên môn về tài chính kế toán, quản lý dự án, bình đẳng giới và môi trường để góp phần nâng cao hiệu quả của dự án.

(2) Phối hợp với Sở LĐ-TB&XH phân bổ, lồng ghép nguồn lực, kết quả đào tạo từ các chương trình, dự án (ODA, NGO, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đào tạo nghề cho người lao động bị thu hồi đất sản xuất nông nghiệp...), Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020" theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1952/QĐ-UBND ngày 20/6/2011 về việc phê duyệt và ban hành Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020.

(3) Tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng công trình theo Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn liên quan. Kịp thời thực hiện việc thẩm tra, phê chuẩn quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình, giải ngân thanh toán vốn đầu tư xây dựng công trình còn nợ cho các nhà thầu và đơn vị thi công (*Cụ thể tại phụ lục số 06*)

(4) Kiểm tra, đôn đốc các Tiểu ban QLDA, kế toán ngân sách xã hạch toán khoản đóng góp của người dân đối với các mô hình sản xuất, xây dựng công trình hạ tầng quy mô nhỏ theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính và hướng dẫn tại văn bản số 792/STC-NS ngày 02/5/2013 của Sở Tài chính. Chỉ đạo tiểu ban QLDA thanh toán kinh phí đầu tư xây dựng công trình cho các nhà thầu.

(5) Chỉ đạo các Tiểu ban QLDA lập đầy đủ hồ sơ thủ tục liên quan đến công tác đào tạo, tập huấn, các mô hình sản xuất kinh doanh. Giao đơn vị đào tạo phối hợp với các đơn vị xã thực hiện việc soát xét lại danh sách, ghi đầy đủ thông tin người học, lập báo cáo kịp thời, đầy đủ, công bố công khai và báo cáo danh sách học viên tốt nghiệp cho các cấp, ngành liên quan đúng quy định.

(6) Kịp thời khắc phục các hạn chế và thực hiện các kiến nghị của đoàn giám sát. Tuân thủ chế độ báo cáo, có cơ chế phù hợp để tăng cường vai trò giám sát của các bên liên quan, nhất là của Hội đồng nhân dân các cấp.

4. Kiến nghị đối với các sở, ngành

(1) Sở Tài chính: Tham mưu xây dựng dự toán đảm bảo vốn đối ứng từ ngân sách địa phương cấp cho dự án nhằm triển khai đúng tiến độ. Hướng dẫn, hỗ trợ Ban QLDA, Chủ đầu tư và các địa phương thực hiện đúng quy định về quy trình quản lý ngân sách và tài sản nhà nước thuộc Dự án, đặc biệt là công tác hạch toán kế toán theo chế độ kế toán đơn vị chủ đầu tư (Theo Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính) và chế độ kế toán tài chính ngân sách xã. Ban hành hướng dẫn thống nhất với hướng dẫn của Bộ Tài chính tại văn bản số 11698/BTC-QLN ngày 31/8/2011 về quản lý tài chính nguồn vốn viện trợ Canada cho dự án phát triển nông nghiệp tỉnh Hà Tĩnh, nhất là các nội dung liên quan đến chế độ hạch toán kế toán bàn giao tài sản hoàn thành đưa vào sử dụng theo từng công trình và kết thúc toàn bộ dự án.

(2) Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn đối ứng ngân sách hàng năm theo Thỏa thuận đóng góp ký kết của Chính phủ Việt Nam và nhà tài trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ đầu tư trong thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế-kỹ thuật xây dựng công trình.

(3) Kho bạc nhà nước: Tăng cường việc kiểm soát chi ngân sách đối với dự án, nhất là các khoản đóng góp của nhân dân (Bằng tiền, ngày công, hiện vật...) liên

quan đến dự án. Kịp thời tiếp nhận và chuyển nguồn, thực hiện các hoạt động thanh toán.

(4) Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Phối hợp với Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Ban QLDA tỉnh và các địa phương tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát việc đào tạo nghề ở nông thôn đảm bảo tính phù hợp, thống nhất, chất lượng, hiệu quả và đúng quy định.

5. Đối với HĐND và UBND các huyện, xã thuộc vùng dự án

HĐND cấp huyện, xã quan tâm công tác kiểm tra, giám sát tiến độ và giám sát tuân thủ của các dự án đang được triển khai thực hiện trên địa bàn.

UBND xã chủ động tổ chức huy động đóng góp của nhân dân và bố trí nguồn lực đảm bảo nguồn đối ứng theo quy định của dự án. Phối hợp với Ban QLDA thanh toán vốn đầu tư từ nguồn ngân sách xã và đóng góp của nhân dân cho nhà thầu, các đơn vị thi công xây dựng công trình. Tham gia quản lý chặt chẽ đối với các mô hình sản xuất, các lớp tập huấn, đào tạo trên địa bàn xã. Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ, gắn kết các hộ sản xuất, chăn nuôi hình thành tổ, nhóm, hợp tác xã, điều phối các khâu liên kết chuỗi để giúp chia sẻ kinh nghiệm, nhằm tạo ra sản phẩm có giá trị hàng hóa, nâng cao đời sống và bảo vệ quyền lợi của người dân. Động viên, khuyến khích bà con nông dân áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới, đặc biệt là đưa cơ giới hoá vào sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế đồng thời khuyến cáo để nhân ra diện rộng.

Chỉ đạo kế toán ngân sách xã (đồng thời kiêm nhiệm kế toán Tiểu ban QLDA) thực hiện nghiêm chế độ kế toán tài chính ngân sách xã, ghi chép phản ánh đầy đủ các hoạt động tài chính của Tiểu ban QLDA vào hoạt động tài chính khác của đơn vị xã, ghi thu ghi chi ngân sách xã nguồn đóng góp của nhân dân để xây dựng cơ sở hạ tầng. Hạch toán, quyết toán đầy đủ chi phí đầu tư XD công trình bao gồm cả nguồn đóng góp của nhân dân theo đúng quy định.

Trên đây là báo cáo kết quả giám sát “Tình hình, tiến độ, kết quả triển khai thực hiện Dự án *Phát triển nông nghiệp Hà Tĩnh giai đoạn 2011-2013*”, Đoàn giám sát xin báo cáo Thường trực HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trưởng các Ban, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Tổ chức hợp tác PT quốc tế Canada (CIDA);
- Các Sở, ngành: NN&PTNT, KH&ĐT, TC, KBNN;
- Các thành viên Ban Chỉ đạo DA, Ban QLDA PTNT;
- UB MTTQ tỉnh, Hội Nông dân, Hội LHPN tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện: Kỳ Anh, Thạch Hà, Đức Thọ;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các đơn vị Đoàn giám sát;
- Lưu: VT, CV KTNS, TQĐ 100b.

**TM. ĐOÀN GIÁM SÁT
TRƯỞNG ĐOÀN**

(đã ký)

**TRƯỞNG BAN KTNS HĐND TỈNH
Nguyễn Trí Lạc**

PHỤ LỤC 1: HỆ THỐNG VĂN BẢN LIÊN QUAN
(Kèm theo Báo cáo kết quả giám sát số 40a/BC-ĐGS ngày 07/5/2014)

PHẦN I: VĂN BẢN TRUNG ƯƠNG

1. Nghị quyết số 26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;
2. Nghị quyết 48/ND-CP của Chính phủ ngày 23/9/2009 về cơ chế chính sách giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản;
3. Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 8/1/2010 của Chính phủ về khuyến nông;
4. Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;
5. Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 4/6/2010 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;
6. Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/4/2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;
7. Quyết định số 2194/QĐ-TTg ngày 25/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án phát triển giống cây nông lâm, giống vật nuôi và giống thủy sản đến năm 2020;
8. Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 29/1/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020;
9. Quyết định số 60/2010/QĐ-TTg ngày 30/09/2010 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011 – 2015;
10. Văn bản số 11698/BTC-QLN ngày 31/8/2011 của Bộ Tài chính về cơ chế tài chính trong nước áp dụng đối với dự án;

PHẦN II: CÁC VĂN BẢN CẤP TỈNH

1. Nghị quyết số 08-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;
2. Quyết định số 3276/QĐ-UBND ngày 12/11/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nội dung văn kiện dự án Phát triển nông nghiệp Hà Tĩnh;
3. Quyết định số 26/2011/QĐ-UBND ngày 29/8/2011 của UBND tỉnh ban hành quy định về quản lý đầu tư xây dựng công trình bằng nguồn vốn ngân sách
4. Quyết định số 1354/QĐ-UBND ngày 15/5/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt đề án phát triển ngành trồng trọt Hà Tĩnh giai đoạn 2012 - 2015 định hướng đến năm 2020;
5. Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 19/7/2012 của UBND tỉnh ban hành Sổ tay Mua sắm đấu thầu Dự án Phát triển nông nghiệp Hà Tĩnh;
6. Quyết định 2401/QĐ –SNN ngày 4/7/2013 của Sở NN&PTNT về việc phê duyệt phương án, dự toán kinh phí thực hiện mô hình Cơ giới hóa trong nông nghiệp năm 2013 thuộc dự án Phát triển nông nghiệp;
7. Quyết định 2066/QĐ-UBND ngày 10/7/2013 của UBND tỉnh về việc Sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong các Sổ tay Dự án Phát triển nông nghiệp Hà Tĩnh;

8. Quyết định số 1843 /QĐSNN ngày 24/5/2013 của Sở NN&PTNT về việc phê duyệt phương án , dự toán thực hiện mô hình “cải tạo đàn bò theo hướng zêbu bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo” tại xã Thạch Long và xã Thạch Sơn huyện Thạch Hà;

9. Hợp đồng số 102 /TBQLDA ngày 24//2013 của Tiểu ban quản lý DA tại Trung tâm khuyến nông về việc hợp đồng cán bộ chỉ đạo mô hình;

10. Hợp đồng trách nhiệm số 209/HĐ-TBQLDAPTNN ngày 01/8/2013 về việc hợp đồng cán bộ trực tiếp chỉ đạo mô hình “Chăn nuôi hươu sinh sản” tại xã Kỳ Tây; Kỳ Lâm huyện Kỳ Anh thuộc dự án phát triển nông nghiệp;

11. Văn bản số 792/STC-NS ngày 2/5/2013 của Sở Tài chính về việc Hướng dẫn việc thực hiện quyết toán kinh phí Dự án Phát triển nông nghiệp;

(Nguồn: tổng hợp từ báo cáo của các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch - Đầu tư; Kho bạc nhà nước tỉnh; UBND các huyện, xã; Ban quản lý Dự án.)

ĐOÀN GIÁM SÁT HĐND TỈNH

PHỤ LỤC 2: TỔNG HỢP NGUỒN VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN GIAI ĐOẠN 2011-2013
(Kèm theo Báo cáo kết quả giám sát số 40a/BC-ĐGS ngày 07/5/2014)

Đơn vị tính: VNĐ

Nội dung \ Năm	2011	2012	2013	Tổng cộng
Kế hoạch vốn đã bố trí	21.765.030.248	23.600.000.000	63.000.000.000	108.365.030.248
- Nguồn vốn CIDA cấp về tại Sở Tài chính	21.265.030.248	21.600.000.000	62.000.000.000	104.865.030.248
- Nguồn vốn đối ứng NS tỉnh	500.000.000	2.000.000.000	1.000.000.000	3.500.000.000
Nguồn vốn đã cấp (thanh toán tạm ứng) từ Sở Tài chính cho Ban quản lý dự án	15.380.000.000	12.000.000.000	68.000.000.000	95.380.000.000
- Nguồn vốn CIDA	14.880.000.000	10.000.000.000	67.000.000.000	91.880.000.000
- Nguồn vốn đối ứng NS tỉnh	500.000.000	2.000.000.000	1.000.000.000	3.500.000.000
Nguồn vốn Ban QLDA đã giải ngân	11.554.514.498	12.006.529.411	60.059.525.300	83.620.569.209
- Nguồn vốn CIDA	11.054.514.498	11.080.672.611	59.059.525.300	81.194.712.409
- Nguồn vốn đối ứng NS tỉnh	500.000.000	925.856.800	1.000.000.000	2.425.856.800
Kinh phí đề nghị quyết toán	8.400.796.698	12.256.220.443		
- Nguồn CIDA tài trợ	7.900.796.698	11.330.363.643		
- Nguồn vốn đối ứng NS tỉnh	500.000.000	925.856.800		

(Nguồn: tổng hợp từ báo cáo của các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch - Đầu tư; Kho bạc nhà nước tỉnh; UBND các huyện, xã; Ban quản lý Dự án.)

PHỤ LỤC 3: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC LỚP TẬP HUẤN
(Kèm theo Báo cáo kết quả giám sát số 40a/BC-ĐGS ngày 07/5/2014)

TT	NĂM	Thành phần tham gia	Số lớp	Số người tham gia	Địa điểm thực hiện	Số ngày tập huấn	Người thực hiện	Số tiền (VNĐ)	Kinh phí bình quân/người/khóa	Ghi chú
I	Các lớp tập huấn thuộc hợp phần 1:		32	1.373				1.377.333.000	1.003.156	
	Năm 2012		10	360				283.474.500	787.429	
1	Tập huấn TOT cho cán bộ làm công tác khuyến nông cho người dân	Cán bộ TT Khuyến nông, phòng nông nghiệp các huyện	1	20	Thành phố Hà Tĩnh	3	Trường trung cấp nông nghiệp HT	54.041.500	2.702.075	
2	Tập huấn khuyến nông có lồng ghép vấn đề giới và môi trường cho người dân	Người dân các xã Dự án	3	114	Các xã Dự án	3	Trường trung cấp nông nghiệp HT	101.844.000	893.368	
3	Tập huấn về Bình đẳng giới trong sản xuất nông nghiệp cho người dân	Người dân các xã Dự án	3	112	Các xã Dự án	3	Nguyễn Thị Thanh (T.p Hồ Chí Minh)	62.008.000	553.643	
4	Tập huấn về Môi trường và biến đổi khí hậu trong sản xuất nông nghiệp	Người dân các xã Dự án	3	114	Các xã Dự án	3	Nguyễn Đình Dũng (TP.HCM)	65.581.000	575.272	
	Năm 2013		22	1.013				1.093.858.500	1.079.821	
1	Tập huấn khuyến nông có lồng ghép vấn đề giới và môi trường cho người dân	Người dân các xã Dự án	13	780	Các xã Dự án	3	Trung tâm khuyến nông	639.860.000	820.333	
2	Tập huấn quản lý điều hành cho cán bộ HTX	Cán bộ quản lý các HTX	4	74	Thành phố Hà Tĩnh	3	ĐH nông nghiệp 1	158.622.500	2.143.547	
3	Tập huấn quản lý điều hành cho cán bộ chủ các trang trại	Chủ các Trang trại	2	53	Thành phố Hà Tĩnh	3	Đại học Huế	111.901.000	2.111.340	
4	Nâng cao năng lực về lĩnh vực sản xuất giống cây trồng cho nông dân	Nông dân sản xuất lúa Giống Cẩm Thành và Yên Hồ	2	80	Xã Cẩm Thành, Yên Hồ	3	Viện Cây lương thực Việt Nam	87.340.000	1.091.750	
5	Tập huấn TOT cho cán bộ làm công tác khuyến nông cho người dân	Cán bộ TT Khuyến nông, phòng nông nghiệp các huyện	1	26	Thành phố Hà Tĩnh	5	TS Nguyễn Thị Thu	96.135.000	3.697.500	

II	Các lớp tập huấn thuộc hợp phần 2:		7	177				390.225.000	2.204.661	
	Năm 2012		3	77				172.539.000	2.240.766	
1	Tập huấn mua sắm đầu thầu cho cán bộ ban quản lý Dự án và các đơn vị liên quan	Cán bộ BQL Dự án. Hội Phụ nữ. nông dân. Khuyến nông. Đoàn điều tra.	1	20	Thành phố Hà Tĩnh	3	TS Nguyễn Việt Hùng	48.749.000	2.437.450	
2	Tập huấn quản lý giám sát các công trình xây dựng cho các Ban giám sát cộng đồng.	Thành viên Ban giám sát cộng đồng	1	19	Thành phố Hà Tĩnh	3	TS Nguyễn Quang Khôi- ĐH Xây dựng	59.506.000	3.131.895	
3	Tập huấn nâng cao năng lực Mua sắm đầu thầu cho cán bộ các Tiểu ban quản lý Dự án	Cán bộ các Tiểu ban quản lý Dự án	1	38	Thành phố Hà Tĩnh	3	TS Nguyễn Việt Hùng	64.284.000	1.691.684	
	Năm 2013		4	100				217.686.000	2.176.860	
1	Tập huấn về mua sắm đầu thầu cho cán bộ Tiểu ban QLDA tại 13 xã	Cán bộ các Tiểu ban quản lý Dự án	1	14	Thành phố Hà Tĩnh	3	TS Nguyễn Việt Hùng	34.861.000	2.490.071	
2	Tập huấn duy tu. bảo dưỡng công trình	Cán bộ UBND các xã Dự án	1	27	Thành phố Hà Tĩnh	3	TS Nguyễn Quang Khôi	64.770.000	2.398.889	
3	Tập huấn giám sát công trình XDCB cho các Ban giám sát CD	Thành viên Ban giám sát cộng đồng	2	59	Thành phố Hà Tĩnh	3	TS Nguyễn Quang Khôi	118.055.000	2.000.932	
III	Các lớp tập huấn thuộc hợp phần 3:		45	1.958				2.548.070.000	1.301.364	
	Năm 2012		7	127				365.313.200	2.876.482	
1	Tập huấn Lập kế hoạch có sự tham gia	Cán Bộ Sở NN. Ban QLDA. Phòng nông nghiệp các huyện	1	18	Thành phố Hà Tĩnh	3	Đại học Nông nghiệp 1	47.539.000	2.641.056	
2	Tập huấn quản lý tài chính cho cán bộ Ban QLDA và các Sở ban ngành liên quan	Cán bộ Ban QLDA. Sở nông nghiệp. Hội phụ nữ. hội Nông dân	1	18	Thành phố Hà Tĩnh	3	Thạc sỹ Trương Công Hữu	59.544.000	3.308.000	
13	Tập huấn quản lý dự án và theo dõi ngân sách cho thành viên Hội đồng nhân dân tại cấp huyện và xã	Thành viên Hội đồng nhân dân huyện và xã	1	19	Thành phố Hà Tĩnh	3	Viện nghiên cứu chiến lược	52.207.000	2.747.737	

4	Tập huấn quản lý dựa vào kết quả cho cán bộ Ban quản lý dự án và Tiểu ban QLDA	cán bộ Ban quản lý dự án và Tiểu ban quản lý dự án	1	19	Thành phố Hà Tĩnh	3	Th.s Vũ Ngọc Anh	58.760.800	3.092.674
5	Tập huấn nâng cao năng lực lập kế hoạch cho cán bộ BQL Dự án và các Tiểu ban quản lý dự án	cán bộ Ban quản lý dự án và Tiểu ban quản lý dự án	1	19	Thành phố Hà Tĩnh	3	TS Nguyễn Văn Huân	57.185.400	3.009.758
6	Tập huấn lồng ghép vấn đề Môi trường vào các hoạt động của Dự án cho cán bộ Ban QLDA và các đơn vị liên quan	Cán bộ Ban QLDA. Sở nông nghiệp. Hội phụ nữ. hội Nông dân	1	16	Thành phố Hà Tĩnh	3	TS Lê Hoàn Lan	45.029.000	2.814.313
7	Tập huấn lồng ghép vấn đề Giới vào các hoạt động Dự án cho cán bộ Ban QLDA và các đơn vị liên quan	Cán bộ Ban QLDA. Sở nông nghiệp. Hội phụ nữ. hội Nông dân	1	18	Thành phố Hà Tĩnh	3	BS Trương Quang Hồng	45.048.000	2.502.667
	Năm 2013		38	1.831				2.182.756.800	1.192.112
1	Tập huấn về Bình đẳng giới trong sản xuất nông nghiệp cho người dân	Nông dân sản xuất lúa Giồng Cẩm Thành và Yên Hồ	13	780	Các xã Dự án	3	Hội LHPN tỉnh	673.896.000	863.969
2	Tập huấn về Môi trường và biến đổi khí hậu trong sản xuất nông nghiệp	Người dân các xã Dự án	13	788	Các xã Dự án	3	Sở TNMT	690.083.000	875.740
3	Tập huấn cơ sở lý luận về điều tra quy hoạch NLN. củng cố kiến thức về đánh giá tài nguyên thiên nhiên. tiềm năng tự nhiên. cung cấp thông tin về quản lý cơ sở dữ liệu trong nông lâm nghiệp cho cán bộ Đoàn Điều tra quy hoạch nông lâm nghiệp	Các bộ Đoàn điều tra quy hoạch	2	29	Thành phố Hà Tĩnh	5	Đại học Huế	121.553.000	4.191.483
4	Tập huấn quản lý tài chính cho cán bộ Tiểu ban quản lý dự án tại 13 xã	Các bộ các Tiểu Ban	1	29	Thành phố Hà Tĩnh	3	Thạc sỹ Trương Công Hữu	65.546.500	2.260.224
5	Tập huấn Lập kế hoạch có sự tham gia	Cán Bộ Sở nông nghiệp. Ban quản lý Dự án. Phòng nông nghiệp các huyện	2	42	Thành phố Hà Tĩnh	3	Đại học nông nghiệp 1	80.055.000	1.906.071

6	Tập huấn giám sát, đánh giá và kỹ năng viết báo cáo cho cán bộ Ban quản lý dự án và 13 Tiểu ban quản lý dự án	Cán bộ Ban và các Tiểu Ban	1	29	Thành phố Hà Tĩnh	3	Đại học Huế	64.636.000	2.228.828	
7	Tập huấn về lập kế hoạch có sự tham gia cho cán bộ làm công tác nông nghiệp nông thôn cấp tỉnh và cấp huyện	Các bộ Sở nông nghiệp. Ban quản lý Dự án. phòng nông nghiệp các huyện	2	56	Thành phố Hà Tĩnh	3	Đại học Nông nghiệp 1	107.650.800	1.922.336	
8	Đào tạo giảng viên nòng cốt về Giới cho cán bộ của Hội LHPN tỉnh và huyện và Sở LĐTĐ và XH	cán bộ của Hội LHPN tỉnh và huyện và Sở LĐTĐ và XH	1	22	Thành phố Hà Tĩnh	5	BS Trương Quang Hồng	97.594.000	4.436.091	
9	Tập huấn đào tạo giảng viên nòng cốt về môi trường là cán bộ Trung tâm Quan trắc và Kỹ thuật Môi trường. Chi cục Bảo vệ Môi trường. Phòng Tài nguyên & Môi trường 3 huyện Đức Thọ. Thạch Hà. Kỳ Anh	cán bộ TT Quan trắc và Kỹ thuật Môi trường. Chi cục Bảo vệ Môi trường. Phòng TNMT 3 huyện Đức Thọ. Thạch Hà. Kỳ Anh	1	15	Thành phố Hà Tĩnh	5	Đại học Huế	76.300.000	5.086.667	
10	Tập huấn cập nhật và vận hành khung giám sát và đánh giá 5 năm Ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn cho cán bộ Sở nông nghiệp và PTNT và các đơn vị thuộc Sở	cán bộ Sở nông nghiệp và PTNT và các đơn vị thuộc Sở	1	22	Thành phố Hà Tĩnh	3	Đại học Nông nghiệp 1	90.423.500	4.110.159	
11	Tập huấn đổi mới phương pháp lập kế hoạch cho cán bộ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Phòng Nông nghiệp các huyện	Cán bộ Sở NN&PTNT. Phòng Nông nghiệp các huyện	1	19	Thành phố Hà Tĩnh	5	Đại học Nông nghiệp 1	115.019.000	6.053.632	
	TỔNG CỘNG		84	3.508				4.315.628.000	1.230.225	

(Nguồn: tổng hợp từ báo cáo của các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch - Đầu tư; Kho bạc nhà nước tỉnh; UBND các huyện, xã; Ban quản lý Dự án.)

ĐOÀN GIÁM SÁT HĐND TỈNH

PHỤ LỤC 4: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC LỚP ĐÀO TẠO NGHỀ
(Kèm theo Báo cáo kết quả giám sát số 40a/BC-ĐGS ngày 07/5/2014)

TT	Lớp	Thành phần tham gia	Số người tham gia	Địa điểm thực hiện	Số ngày đào tạo	Kinh Phí (VNĐ)	Kinh phí bình quân/ người/khóa	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
1	Đào tạo nghề nuôi và phòng trị bệnh cho trâu bò xã Đức Thủy	Nông dân xã Đức Tùng	35	Xã Đức Thủy	52.5	87.083.000	2.488.086	Trường trung cấp nông nghiệp Hà Tĩnh	
2	Đào tạo nghề nuôi và phòng trị bệnh cho trâu bò xã Bùi Xá	Nông dân xã Bùi Xá	35	Xã Bùi Xá	52.5	87.180.000	2.490.857		
3	Đào tạo nghề nuôi và phòng trị bệnh cho trâu bò xã Đức An	Nông dân xã Bùi Xá	35	Xã Đức An	52.5	87.248.000	2.492.800		
4	Đào tạo nghề nuôi và phòng trị bệnh cho trâu bò xã Đức Long	Nông dân xã Đức Long	35	Xã Đức long	52.5	87.235.000	2.492.429		
5	Đào tạo nghề nuôi và phòng trị bệnh cho trâu lợn xã Kỳ Thượng	Nông dân xã Kỳ Thượng	33	Xã Kỳ Thượng	52.5	85.113.000	2.579.182		
6	Đào tạo nghề nuôi và phòng trị bệnh cho trâu lợn xã Kỳ Lâm	Nông dân xã Kỳ Lâm	28	Xã Kỳ Lâm	52.5	81.277.500	2.902.768		
7	Đào tạo nghề nuôi và phòng trị bệnh cho trâu lợn xã Kỳ Tây	Nông dân xã Kỳ Tây	35	Xã Kỳ Tây	52.5	86.905.000	2.483.000		
8	Đào tạo nghề nuôi và phòng trị bệnh cho trâu lợn xã Thạch Sơn	Nông dân xã Thạch Sơn	35	Xã Thạch Sơn	52.5	87.180.000	2.490.857		

9	Đào tạo nghề nuôi và phòng trị bệnh cho trâu lợn xã Thạch Long	Nông dân xã Thạch Long	35	Xã Thạch Long	52.5	86.925.000	2.483.571	Trường trung cấp nông nghiệp Hà Tĩnh	
10	Đào tạo nghề nuôi và phòng trị bệnh cho trâu lợn xã Phù Việt	Nông dân xã Phù Việt	35	Xã Phù Việt	52.5	87.495.000	2.499.857		
11	Đào tạo nghề nuôi và phòng trị bệnh cho trâu lợn xã Thạch Kênh	Nông dân xã Thạch Kênh	35	Xã Thạch Kênh	52.5	86.692.000	2.476.914		
12	Đào tạo nghề trồng lúa tại xã Đức Tùng	Nông dân xã Đức Tùng	35	Xã Đức Tùng	35	58.740.000	1.678.286		
13	Đào tạo nghề trồng lúa tại xã Thạch Thanh	Nông dân xã Thạch Thanh	35	TP Hà Tĩnh	35	58.119.000	1.660.543		
TỔNG CỘNG			446			1.067.192.500	2.392.808		

(Nguồn: tổng hợp từ báo cáo của các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch - Đầu tư; Kho bạc nhà nước tỉnh; UBND các huyện, xã; Ban quản lý Dự án.)

ĐOÀN GIÁM SÁT HĐND TỈNH

PHỤ LỤC 5: KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MÔ HÌNH
(Kèm theo Báo cáo kết quả giám sát số 40a/BC-ĐGS ngày 07/5/2014)

TT	NĂM/TÊN MÔ HÌNH	ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN	Số tiền (triệu VNĐ)		
			Tổng	CIDA	Dân góp
	Năm 2012				
1	Mô hình sản xuất vùng lúa tập trung chất lượng cao Hè Thu 2012	Thạch Khênh (Thạch Hà), Bùi Xá, Đức Thủy (Đức Thọ)	756,400	331,800	424,600
2	Mô hình máy cày đa chức năng	13 xã thuộc vùng dự án	2.190,759	1.288,597	902,162
	Năm 2013				
1	Mô hình sản xuất giống lúa mới OM 4218	Xã Đức Thuận- Thị xã Hồng Lĩnh	117,700	70,600	47,100
2	Mô hình sản xuất giống lúa mới Trần Châu Hương	Xã Đức Long, huyện Đức Thọ	216,450	113,900	102,550
3	Mô hình sản xuất lúa chất lượng cao vụ Xuân năm 2013	Thạch Khênh (Thạch Hà), Bùi Xá, Đức Thủy (Đức Thọ)	793,324	361,299	432,025
4	Mô hình sản xuất lúa chất lượng cao vụ hè thu năm 2013	Xã Đức An (Đức Thọ)	374,917	131,707	243,210
5	Mô hình trồng thâm canh chè giống mới	Xã Kỳ Thượng, huyện Kỳ Anh	189,240	122,850	66,390
6	Mô hình cải tạo đàn bò theo hướng 3/4 máu ngoại	Đức Long, Đức Thủy, Bùi Xá (Đức Thọ)	509,766	207,366	302,400
7	Mô hình cải tạo đàn bò theo hướng zebu	Xã Thạch Long, Thạch Sơn (Thạch Hà)	413,474	144,674	268,800
8	Mô hình chăn nuôi hươu sinh sản	Xã Kỳ Tây, Kỳ Lâm, huyện Kỳ Anh	452,805	236,225	216,580
9	Mô hình chăn nuôi gà thịt đảm bảo an toàn sinh học	Xã Cẩm Hòa (Cẩm Xuyên)	179,570	92,270	87,300
10	Hô hình xây dựng xã an toàn dịch	Xã Thạch Đài (Thạch Hà)	332,645	267,645	65,000
11	Mô hình cơ giới hóa trong nông nghiệp	13 xã thuộc vùng dự án, xã Thiên Lộc (Can Lộc), xã Phù Lưu (Lộc Hà)	2.606,465	1.515,065	1.091,400
	TỔNG CỘNG: 13 Mô hình		9.133,515	4.883,999	4.249,517

(Nguồn: tổng hợp từ báo cáo của các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch - Đầu tư; Kho bạc nhà nước tỉnh; UBND các huyện, xã; Ban quản lý Dự án.)

PHỤ LỤC 6: TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ HOÀN THÀNH BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG
(Kèm theo Báo cáo kết quả giám sát số 40a/BC-ĐGS ngày 07/5/2014)

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên công trình	Năm xây dựng	Quyết định đầu tư				Khối lượng xây lắp đã nghiệm thu A-B	Ghi chú
			Số quyết định phê duyệt BCKTKT	Tổng mức đầu tư	Trong đó			
					Nguồn vốn CIDA	Nguồn vốn đối ứng		
1	Kênh tưới sản xuất cho xóm Thanh Giang và Hương Lộc xã Thạch Thanh - Thạch Hà	2012	Số 236/QĐ-SKH ngày 18/12/2012	1.293.991.715	1.156.021.475	137.970.240	1.149.752.000	
2	Kênh nối từ sân chăn nuôi đến vườn chi Ninh Trung xã Phù Việt, Thạch Hà	2012	Số 235/QĐ- SKH ngày 18/12/2012	1.824.560.622	1.649.383.542	175.177.080	1.459.809.000	
3	Nâng cấp, sửa chữa kênh tưới Tam Tòa đi Đồng Bùn xã Thạch Long - Thạch Hà	2012	Số 207/QĐ-SKH ngày 06/11/2012	1.860.465.000	1.682.730.720	177.734.280	1.481.119.000	
4	Nâng cấp sửa chữa kênh tưới Nam Khê - Đông Ngạn - Vạn Đò - Thạch Sơn - Thạch Hà	2012	Số 201/QĐ -SKH ngày 6/11/2012	1.948.570.098	1.761.296.898	187.273.200	1.560.610.000	
5	Nâng Cấp sửa chữa kênh tưới Cồn Tịnh đi Cửa Nại xã Thạch Khê - Thạch Hà	2012	Số 208/QĐ-SKH ngày 06/11/2012	1.311.513.247	1.186.779.727	124.733.520	1.039.446.000	
6	Đường giao thông phục vụ sản xuất từ cửa Trạng đến Nhà Cóc xã Đức Long - Đức Thọ	2012	Số 226/QĐ-SKH ngày 11/12/2012	1.711.357.267	1.506.667.867	204.689.400	1.705.745.000	
7	Đường Bê tông phục vụ sản xuất thôn Văn Tùng đến thôn Tân Khang xã Đức Tùng	2012	Số 205/QĐ-SKH ngày 06/11/2012	1.998.929.333	1.800.653.813	198.275.520	1.652.296.000	
8	Nâng cấp sửa chữa đập Eo Cây Cà, thôn Long Hòa xã Đức An - Đức Thọ	2012	Số 209/QĐ-SKH ngày 09/11/2012	1.995.038.500	1.800.249.340	194.789.160	1.623.243.000	
9	Đường giao thông nội đồng xóm 3-11 ra QL8 và đường giao thông Đồng Bướm - Nghĩa Trang Đồng To - Đức Thủy - Đức Thọ	2012	Số 237/QĐ-SKH ngày 25/12/2012	1.950.429.042	1.754.109.522	196.319.520	1.635.996.000	
10	Đường giao thông phục vụ sản xuất nông nghiệp đoạn từ Phụng Duy thiện đến bờ kênh C2 (HL19) xã Bùi Xá - Đức Thọ	2012	Số 238/QĐ-SKH ngày 25/12/2012	1.959.905.533	1.762.803.373	197.102.160	1.642.518.000	

11	Đường giao thông phục vụ sản xuất nông nghiệp xóm Hải Hà, xã Kỳ Lâm	2012	Số 202/QĐ-SKH ngày 06/11/2012	1.910.731.000	1.742.504.080	168.226.920	1.401.891.000	
12	Đường Bê tông phục vụ sản xuất thôn Minh Xuân xã Kỳ Tây - Kỳ Anh	2012	Số 206/QĐ-SKH ngày 06/11/2012	1.903.387.000	1.719.967.360	183.419.640	1.528.497.000	
13	Nâng cấp đập thủy lợi Tùng Tròn và kênh tưới thôn Tiên Thượng xã Kỳ Thượng	2013	Số 198/QĐ-SKH ngày 24/6/2013	1.820.535.990	1.653.925.350	166.610.640	1.388.422.000	
14	Đập Hóp thôn Phúc Môn xã Kỳ Thượng	2013	Số 193/QĐ-SKH ngày 17/6/2013	1.122.533.475	1.023.797.115	98.736.360	822.803.000	
15	Kênh thủy lợi đồng đập Cánh Diều thôn Tiên Thượng xã kỳ thượng	2013	Số 177/QĐ-SKH ngày 12/6/2013	1.183.347.795	1.073.318.715	110.029.080	916.909.000	
16	Kênh tưới Minh Xuân đi Trung Xuân xã Kỳ Tây.	2013	Số 130/QĐ-SKH ngày 10/5/2013	1.219.487.000	1.107.396.680	112.090.320	934.086.000	
17	Đường giao thông phục vụ sản xuất Minh Xuân ra đường Tây Văn xã Kỳ Tây	2013	Số 129/QĐ-SKH ngày 10/5/2013	1.013.128.000	918.892.720	94.235.280	785.294.000	
18	Đường qua các xóm từ đường 7 đến Nghĩa trang Đồng Mồ xã Thạch Thanh	2013	Số 163/QĐ-SKH ngày 4/6/2013	1.096.775.000	990.081.680	106.693.320	889.111.000	
19	Đường từ trạm bơm Sơn Vĩnh đến Phúc Lạc xã thạch thanh	2013	Số 172/QĐ-SKH ngày 12/6/2013	1.551.908.000	1.402.508.000	149.400.000	1.245.000.000	
20	Kênh tưới Đồng Trù đi Đồng Hạ Lâm xã Thạch Long	2013	Số 132/QĐ-SKH ngày 10/5/2013	1.156.817.000	1.049.413.400	107.403.600	895.030.000	
21	Đường giao thông phục vụ sản xuất nông nghiệp từ trục xã đi thôn Đại Đồng xã Thạch Long	2013	Số 168/QĐ-SKH ngày 11/6/2013	1.084.360.000	989.680.000	94.680.000	789.000.000	
22	Đường giao thông nội đồng xóm Nam Hà, xã Thạch Sơn	2013	Số 160/QĐ-SKH ngày 31/5/2013	1.656.410.000	1.493.573.000	162.837.000	1.356.975.000	
23	Đường giao thông nông thôn và nội đồng xã Thạch Sơn	2013	Số 161/QĐ-SKH ngày 21/5/2013	1.471.680.000	1.331.133.600	140.546.400	1.171.220.000	
24	Tuyến kênh xóm Nổ đến xóm 5 xã Thạch Kênh	2013	Số 171/QĐ-SKH ngày 12/6/2013	1.740.344.409	1.604.586.729	135.757.680	1.131.314.000	

25	Kênh tưới xóm 6 đi Ma Na Cậm xã Thạch Khê	2013	Số 207/QĐSKH ngày 12/6/2013	1.205.781.375	1.092.451.215	113.330.160	944.418.000	
26	Kênh nối từ Kênh Am đến Đồng Vịnh xã Phù Việt	2013	Số 173/QĐ-SKH ngày 12/6/2013	1.002.886.000	908.826.280	94.059.720	783.831.000	
27	Kênh từ Hòn Mỏ đến vườn Anh Đức tổ 10 thôn Trung Tiến xã Phù Việt	2013	Số 181/QĐSKH ngày 12/6/2013	1.099.094.000	995.409.680	103.684.320	864.036.000	
28	Kênh tiêu úng từ ngõ Anh Nam đến kênh 19/5 xã Đức Thủy	2013	Số 180/QĐ-SKH ngày 12/6/2013	875.666.400	793.188.960	82.477.440	687.312.000	
29	Đường nối từ Tỉnh lộ 5 đến đường sắt, cầu qua Kênh Khoảng xã Đức Long	2013	Số 182/QĐ-SKH ngày 12/6/2013	1.928.895.462	1.739.920.422	188.975.040	1.574.792.000	
30	Đường giao thông HTX Thanh Long xã Đức An	2013	Số 127/QĐ-SKH ngày 10/5/2013	1.026.963.000	932.295.600	94.667.400	788.895.000	
31	Đường giao thông phục vụ HTX Đại An xã Đức An	2013	Số 162/QĐ-SKH ngày 31/5/2013	1.206.540.000	1.090.943.280	115.596.720	963.306.000	
32	Đường giao thông Dương Đức Thảo (HL6)-Nghĩa trang Bụt Nguyễn xã Bùi Xá	2013	Số 123/QĐ-SKH ngày 7/5/2013	1.379.198.000	1.243.667.840	135.530.160	1.129.418.000	
33	Đường giao thông phục vụ sản xuất đoạn từ Nguyễn Bá Xích (HL6) đến bờ kênh C2 (HL9) xã Bùi Xá	2013	Số 126/QĐ-SKH ngày 9/5/2013	1.599.908.000	1.438.379.960	161.528.040	1.346.067.000	
34	Xây dựng các tuyến kênh Con Dầu và trạm bơm xã Đức Tùng	2013	Số 169/QĐ-SKH ngày 11/6/2013	1.659.435.000	1.502.378.400	157.056.600	1.308.805.000	
35	Tuyến kênh Cồn Đình xã Đức Tùng	2013	Số 170/QĐ-SKH ngày 12/6/2013	790.030.000	695.226.400	71.497.320	595.811.000	
Tổng cộng				51.560.602.263	46.594.162.743	4.943.133.240	41.192.777.000	

(Nguồn: tổng hợp từ báo cáo của các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch - Đầu tư; Kho bạc nhà nước tỉnh; UBND các huyện, xã; Ban quản lý Dự án.)

ĐOÀN GIÁM SÁT HĐND TỈNH

PHỤ LỤC 6A: TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH THUỘC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÀ TĨNH ĐÃ HOÀN THÀNH QUYẾT TOÁN
(Kèm theo Báo cáo kết quả giám sát số 40a/BC-ĐGS ngày 07/5/2014)

Đơn vị tính: VNĐ

ST T	Tên công trình	Năm xây dựng	Quyết định đầu tư				Khối lượng xây lắp đã nghiệm thu A-B	Giá trị khối lượng hoàn thành đã quyết toán Sở Tài chính			Số đã thanh toán		Số còn phải trả	
			Số QĐ PD BCKT KT	Tổng mức đầu tư				Tổng giá trị	Nguồn CIDA	Nguồn đối ứng	Nguồn CIDA	Nguồn đối ứng	Nguồn CIDA	Nguồn đối ứng
				Tổng số các nguồn	Trong đó									
					Nguồn CIDA	Nguồn đối ứng								
I	Các công trình thực hiện năm 2011			11.012.281.813	9.518.055.755	1.494.226.058	10.344.648.212	11.012.281.813	9.560.773.035	1.451.508.778	9.560.773.035	1.451.508.778	-	-
1	Sửa chữa nâng cấp đường giao thông phục vụ SX nông nghiệp và ứng cứu bão lụt tại xóm Đùng Đùng xã Thiên Lộc	2011	197/QĐ-SKH	840.907.000	739.998.160	100.908.840	764.676.850	840.907.000	780.907.000	60.000.000	780.907.000	60.000.000	-	-
2	Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh tiêu thoát lũ phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh xã Thuận lộc	2011	218/QĐ-SKH	1.060.685.000	933.402.800	127.282.200	1.058.183.000	1.060.685.000	933.403.000	127.282.000	933.403.000	127.282.000	-	-
3	Sửa chữa, nâng cấp đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất nông nghiệp và Dân sinh tại xã Xuân Viên	2011	196/QĐ-SKH	874.044.000	769.158.720	104.885.280	778.416.000	874.044.000	769.159.000	104.885.000	769.159.000	104.885.000	-	-
4	Sửa chữa, nâng cấp tuyến kênh tưới Đòng Cồn, Đòng trạm xã Tùng ảnh	2011	209/QĐ-SKH	826.740.000	727.531.200	99.208.800	783.042.223	826.740.000	727.540.000	99.200.000	727.540.000	99.200.000	-	-
5	Sửa chữa, nâng cấp đường nối tỉnh lộ 9 đi đường tỉnh lộ 22 xóm Đức châu - xã Thạch châu	2011	195/QĐ-SKH	1.332.673.000	1.000.000.000	332.673.000	1.244.724.000	1.332.673.000	1.000.000.000	332.673.000	1.000.000.000	332.673.000	-	-
6	Công trình đường và kênh mương xã Sơn châu, huyện Hương Sơn	2011	200/QĐ-SKH	876.995.000	771.755.600	105.239.400	782.631.000	876.995.000	771.755.000	105.240.000	771.755.000	105.240.000	-	-

7	Sửa chữa và nâng cấp kênh phục vụ tưới, tiêu xã Kỳ Giang	2011	210/QĐ-SKH	873.348.000	768.546.240	104.801.760	885.152.881	873.348.000	770.346.000	103.002.000	770.346.000	103.002.000	-	-
8	Kênh mương xã Hương Minh, huyện vũ quang	2011	199/QĐ-SKH	881.412.000	775.642.560	105.769.440	848.468.000	881.412.000	775.642.560	105.769.440	775.642.560	105.769.440	-	-
9	Sửa chữa nâng cấp kênh N16-5 nhánh tưới về xóm Tân Hòa xã Thạch Tân	2011	201/QĐ-SKH	814.662.286	716.902.812	97.759.474	754.791.000	814.662.286	716.902.812	97.759.474	716.902.812	97.759.474	-	-
10	Sửa chữa nâng cấp tuyến kênh tiêu Cồn Chòi xã Thạch Hạ	2011	212/QĐ-SKH	811.240.000	713.891.200	97.348.800	759.803.000	811.240.000	713.891.200	97.348.800	713.891.200	97.348.800	-	-
11	Đường Liên xã Hương Trà, huyện hương Khê	2011	198/QĐ-SKH	906.454.719	797.680.153	108.774.566	838.032.450	906.454.719	797.680.153	108.774.566	797.680.153	108.774.566	-	-
12	Nâng cấp tuyến kênh tưới N32-1A xã Cẩm Thành, huyện cẩm xuyên	2011	211/QĐ-SKH	913.120.808	803.546.311	109.574.497	846.727.808	913.120.808	803.546.311	109.574.497	803.546.311	109.574.497	-	-
II	Các công trình thực hiện năm 2012			3.695.071.800	3.300.476.760	394.595.040	3.288.292.000	3.691.766.000	3.277.961.000	393.805.000	3.277.961.000	100.000.000	-	293.804.520
1	Đường Bê tông phục vụ sản xuất thôn Văn Tùng đến thôn Tân Khang xã Đức Tùng	2012	Số 205/QĐ-SKH ngày 06/11/2012	1.861.767.000	1.663.491.480	198.275.520	1.652.296.000	1.861.767.000	1.644.282.000	197.485.000	1.644.282.000	100.000.000	-	97.485.000
2	Đường giao thông nội đồng xóm 3-11 ra QL8 và đường giao thông Đồng Bụt - Nghĩa Trang Đồng To - Đức Thủy - Đức Thọ	2012	Số 237/QĐ-SKH ngày 25/12/2012	1.833.304.800	1.636.985.280	196.319.520	1.635.996.000	1.829.999.000	1.633.679.000	196.320.000	1.633.679.000	-	-	196.319.520
Tổng cộng				14.707.353.613	12.818.532.515	1.888.821.098	13.632.940.212	14.704.047.813	12.838.734.035	1.845.313.778	12.838.734.035	1.551.508.778	-	293.804.520

(Nguồn: tổng hợp từ báo cáo của các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch - Đầu tư; Kho bạc nhà nước tỉnh; Ban quản lý Dự án.)

ĐOÀN GIÁM SÁT HĐND TỈNH

**PHỤ LỤC 6B: TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH THUỘC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÀ TĨNH
ĐÃ HOÀN THÀNH NHƯNG CHƯA QUYẾT TOÁN**

(Kèm theo Báo cáo kết quả giám sát số 40a/BC-ĐGS ngày 07/5/2014)

Đơn vị tính: VND

STT	Tên công trình	Năm xây dựng	Quyết định đầu tư				Khối lượng xây lắp đã nghiệm thu A-B	Số đã thanh toán		Dự kiến Số đang còn phải trả	
			Số quyết định phê duyệt BCKTKT	Tổng mức đầu tư				Nguồn CIDA	Nguồn đối ứng	Nguồn CIDA	Nguồn đối ứng
				Tổng số tất cả các nguồn vốn	Nguồn vốn CIDA	Nguồn vốn đối ứng					
I	Các công trình thực hiện năm 2012			17.719.519.982	15.968.404.382	1.751.115.600	14.592.630.000	13.759.297.000	400.000.000	2.209.107.382	1.351.115.600
1	Kênh tưới sản xuất cho xóm Thanh Giang và Hương Lộc xã Thạch Thanh - Thạch Hà	2012	Số 236/QĐ-SKH ngày 18/12/2012	1.293.991.715	1.156.021.475	137.970.240	1.149.752.000	993.838.000	-	162.183.475	137.970.240
2	Kênh nối từ sân chăn nuôi đến vườn chi Ninh Trung xã Phù Việt, Thạch Hà	2012	Số 235/QĐ-SKH ngày 18/12/2012	1.824.560.622	1.649.383.542	175.177.080	1.459.809.000	1.391.615.000	-	257.768.542	175.177.080
3	Nâng cấp, sửa chữa kênh tưới Tam Tòa đi Đồng Bùn xã Thạch Long - Thạch Hà	2012	Số 207/QĐ-SKH ngày 06/11/2012	1.860.465.000	1.682.730.720	177.734.280	1.481.119.000	1.434.900.000	120.000.000	247.830.720	57.734.280
4	Nâng cấp sửa chữa kênh tưới Nam Khê - Đông Ngạn - Vạn Đò - Thạch Sơn - Thạch Hà	2012	Số 201/QĐ-SKH ngày 6/11/2012	1.948.570.098	1.761.296.898	187.273.200	1.560.610.000	1.495.537.000	-	265.759.898	187.273.200
5	Nâng Cấp sửa chữa kênh tưới Cồn Tịnh đi Cửa Nại xã Thạch Khê - Thạch Hà	2012	Số 208/QĐ-SKH ngày 06/11/2012	1.311.513.247	1.186.779.727	124.733.520	1.039.446.000	1.015.051.000	-	171.728.727	124.733.520
6	Đường giao thông phục vụ sản xuất từ cửa Trang đến Nhà Cóc xã Đức Long - Đức Thọ	2012	Số 226/QĐ-SKH ngày 11/12/2012	1.711.357.267	1.506.667.867	204.689.400	1.705.745.000	1.581.500.000	180.000.000	74.832.133	24.689.400
7	Nâng cấp sửa chữa đập Eo Cây Cà, thôn Long Hòa xã Đức An - Đức Thọ	2012	Số 209/QĐ-SKH ngày 09/11/2012	1.995.038.500	1.800.249.340	194.789.160	1.623.243.000	1.591.609.000	100.000.000	208.640.340	94.789.160
8	Đường giao thông phục vụ sản xuất nông nghiệp đoạn từ Phụng Duy thiện đến bờ kênh C2 (HL19) xã Bùi Xá - Đức Thọ	2012	Số 238/QĐ-SKH ngày 25/12/2012	1.959.905.533	1.762.803.373	197.102.160	1.642.518.000	1.524.309.000	-	238.494.373	197.102.160

9	Đường giao thông phục vụ sản xuất nông nghiệp xóm Hải Hà, xã Kỳ Lâm	2012	Số 202/QĐ-SKH ngày 06/11/2012	1.910.731.000	1.742.504.080	168.226.920	1.401.891.000	1.375.010.000	-	367.494.080	168.226.920
10	Đường Bê tông phục vụ sản xuất thôn Minh Xuân xã Kỳ Tây - Kỳ Anh	2012	Số 206/QĐ-SKH ngày 06/11/2012	1.903.387.000	1.719.967.360	183.419.640	1.528.497.000	1.355.928.000	-	364.039.360	183.419.640
II	Các công trình thực hiện năm 2013			37.264.694.017	33.962.729.711	3.301.964.306	28.643.674.000	22.410.795.000	-	11.575.240.991	3.301.964.306
1	Nâng cấp đập thủy lợi Tùng Tròn và kênh tưới thôn Tiên Thượng xã Kỳ Thượng	2013	Số 198/QĐ-SKH ngày 24/6/2013	1.820.535.990	1.653.925.350	166.610.640	1.388.422.000	1.369.391.000	-	284.534.350	166.610.640
2	Đập Hóp thôn Phúc Môn xã Kỳ Thượng	2013	Số 193/QĐ-SKH ngày 17/6/2013	1.122.533.475	1.023.797.115	98.736.360	822.803.000	879.739.000	-	144.058.115	98.736.360
3	Kênh thủy lợi đồng đập Cánh Diều thôn Tiên Thượng xã kỳ thượng	2013	Số 177/QĐ-SKH ngày 12/6/2013	1.183.347.795	1.073.318.715	110.029.080	916.909.000	809.423.000	-	263.895.715	110.029.080
4	Kênh tưới Minh Xuân đi Trung Xuân xã Kỳ Tây.	2013	Số 130/QĐ-SKH ngày 10/5/2013	1.219.487.000	1.107.396.680	112.090.320	934.086.000	839.400.000	-	267.996.680	112.090.320
5	Đường giao thông phục vụ sản xuất Minh Xuân ra đường Tây Văn xã Kỳ Tây	2013	Số 129/QĐ-SKH ngày 10/5/2013	1.013.128.000	918.892.720	94.235.280	785.294.000	590.500.000	-	328.392.720	94.235.280
6	Đường qua các xóm từ đường 7 đến Nghĩa trang Đồng Mỏ xã Thạch Thanh	2013	Số 163/QĐ-SKH ngày 4/6/2013	1.096.775.000	990.081.680	106.693.320	889.111.000	711.457.000	-	278.624.680	106.693.320
7	Đường từ trạm bơm Sơn Vĩnh đến Phúc Lạc xã thạch thanh	2013	Số 172/QĐ-SKH ngày 12/6/2013	1.551.908.000	1.402.508.000	149.400.000	1.245.000.000	1.081.944.000	-	320.564.000	149.400.000
8	Kênh tưới Đồng Trù đi Đồng Hạ Lâm xã Thạch Long	2013	Số 132/QĐ-SKH ngày 10/5/2013	1.156.817.000	1.049.413.400	107.403.600	895.030.000	860.163.000	-	189.250.400	107.403.600

9	Đường giao thông phục vụ sản xuất nông nghiệp từ trục xã đi thôn Đại Đồng xã Thạch Long	2013	Số 168/QĐ-SKH ngày 11/6/2013	1.084.360.000	989.680.000	94.680.000	789.000.000	541.900.000	-	447.780.000	94.680.000
10	Đường giao thông nội đồng xóm Nam Hà, xã Thạch Sơn	2013	Số 160/QĐ-SKH ngày 31/5/2013	1.656.410.000	1.493.573.000	162.837.000	1.356.975.000	994.741.000	-	498.832.000	162.837.000
11	Đường giao thông nông thôn và nội đồng xã Thạch Sơn	2013	Số 161/QĐ-SKH ngày 21/5/2013	1.471.680.000	1.331.133.600	140.546.400	1.171.220.000	974.744.000	-	356.389.600	140.546.400
12	Tuyến kênh xóm Nổ đến xóm 5 xã Thạch Khê	2013	Số 171/QĐ-SKH ngày 12/6/2013	1.740.344.409	1.604.586.729	135.757.680	1.131.314.000	1.246.670.000	-	357.916.729	135.757.680
13	Kênh tưới xóm 6 đi Ma Na Cậm xã Thạch Khê	2013	Số 207/QĐSKH ngày 12/6/2013	1.205.781.375	1.092.451.215	113.330.160	944.418.000	841.637.000	-	250.814.215	113.330.160
14	Kênh nối từ Kênh Am đến Đồng Vịnh xã Phù Việt	2013	Số 173/QĐ-SKH ngày 12/6/2013	1.002.886.000	908.826.280	94.059.720	783.831.000	643.906.000	-	264.920.280	94.059.720
15	Kênh từ Hòn Mò đến vườn Anh Đức tổ 10 thôn Trung Tiến xã Phù Việt	2013	Số 181/QĐSKH ngày 12/6/2013	1.099.094.000	995.409.680	103.684.320	864.036.000	707.205.000	-	288.204.680	103.684.320
16	Kênh tiêu úng từ ngõ Anh Nam đến kênh 19/5 xã Đức Thủy	2013	Số 180/QĐ-SKH ngày 12/6/2013	875.666.400	793.188.960	82.477.440	687.312.000	503.000.000	-	290.188.960	82.477.440
17	Đường nối từ Tinh lộ 5 đến đường sắt, cầu qua Kênh Khoảng xã Đức Long	2013	Số 182/QĐ-SKH ngày 12/6/2013	1.928.895.462	1.739.920.422	188.975.040	1.574.792.000	485.200.000	-	1.254.720.422	188.975.040
18	Đường giao thông HTX Thanh Long xã Đức An	2013	Số 127/QĐ-SKH ngày 10/5/2013	1.026.963.000	932.295.600	94.667.400	788.895.000	343.618.000	-	588.677.600	94.667.400
19	Đường giao thông phục vụ HTX Đại An xã Đức An	2013	Số 162/QĐ-SKH ngày 31/5/2013	1.206.540.000	1.090.943.280	115.596.720	963.306.000	407.786.000	-	683.157.280	115.596.720

20	Đường giao thông Dương Đức Thảo (HL6)- Nghĩa trang Bụt Nguyễn xã Bùi Xá	2013	Số 123/QĐ-SKH ngày 7/5/2013	1.379.198.000	1.243.667.840	135.530.160	1.129.418.000	470.370.000	-	773.297.840	135.530.160
21	Đường giao thông phục vụ sản xuất đoạn từ Nguyễn Bá Xích (HL6) đến bờ kênh C2 (HL9) xã Bùi Xá	2013	Số 126/QĐ-SKH ngày 9/5/2013	1.599.908.000	1.438.379.960	161.528.040	1.346.067.000	1.211.660.000	-	226.719.960	161.528.040
22	Xây dựng các tuyến kênh Con Dầu và trạm bơm xã Đức Tùng	2013	Số 169/QĐ-SKH ngày 11/6/2013	1.659.435.000	1.502.378.400	157.056.600	1.308.805.000	1.248.273.000	-	254.105.400	157.056.600
23	Tuyến kênh Cồn Đình xã Đức Tùng	2013	Số 170/QĐ-SKH ngày 12/6/2013	790.030.000	695.226.400	71.497.320	595.811.000	533.580.000	-	184.952.680	71.497.320
24	Đường giao thông phục vụ sản xuất quốc lộ 8a theo Nương tưới Bà Điều xã Đức Long	2013	Số 176/QĐ-SKH ngày 12/6/2013	1.429.020.219	1.257.537.793	171.482.426	-	485.200.000	-	772.337.793	171.482.426
25	Đường giao thông phục vụ sản xuất từ xóm 1 đến xóm 2 xã Đức Thủy	2013	Số 174/QĐ-SKH ngày 12/6/2013	1.411.030.172	1.268.232.212	142.797.960	1.189.983.000	462.300.000	-	805.932.212	142.797.960
26	Đường giao thông phục vụ sản xuất xóm Hải Hà (từ ruộng ao nhơn đến Cao su) xã Kỳ Lâm	2013	Số 125/QĐ-SKH ngày 09/5/2013	1.999.901.000	1.809.639.680	190.261.320	1.585.511.000	1.150.150.000	-	659.489.680	190.261.320
27	Công trình trạm truyền giống Đức Long	2013	Số 231/QĐ-SKH ngày 17/7/2013	1.331.982.000	1.331.982.000	-	1.331.982.000	914.930.000	-	417.052.000	-
28	Công trình trạm truyền giống Thiên Lộc	2013	Số 232/QĐ-SKH ngày 17/7/2013	1.224.343.000	1.224.343.000	-	1.224.343.000	1.101.908.000	-	122.435.000	-
Tổng cộng				54.984.213.999	49.931.134.093	5.053.079.906	43.236.304.000	36.170.092.000	400.000.000	13.784.348.373	4.653.079.906

(Nguồn: tổng hợp từ báo cáo của các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch - Đầu tư; Kho bạc nhà nước tỉnh; Ban quản lý Dự án.)

ĐOÀN GIÁM SÁT HĐND TỈNH